

HỒI THƯ NHẤT



ĐẶNG TUYỀN PHI ĐƯỢC YÊU DẤU, ĐỨNG ĐẦU HẬU CUNG VƯƠNG THẾ TỬ BỊ TRUẤT NGÔI, RA Ở NHÀ KÍN

Triều Lê Trang Tông Dụ hoàng đế⁽¹⁾ trung hưng cơ nghiệp ở sông Tắt Mã⁽²⁾. Bảy giờ Thế tổ Minh khang thái vương Trịnh Kiểm làm phụ chính, giúp vua dẹp yên được đảng họ Mạc và trở lại kinh đô cũ. Rồi từ đó, họ Trịnh đời đời kế tiếp tước vương, nắm giữ hết quyền bính trong tay, hoàng gia mỗi ngày một suy yếu dần.

Truyền đến đời Hiến tông Vĩnh hoàng đế, niên hiệu Cảnh Hưng⁽³⁾, thì Thánh tổ Thịnh vương⁽⁴⁾ chuyên quyền cậy thế, làm oai làm phúc; vua Lê chỉ còn biết chấp tay rủ áo mà thôi.

(1) Tức Lê Trang Tông, tên là Duy Ninh (1533-1548). Các chú thích từ đây trở đi đều của người dịch.

(2) Sông Tắt Mã: Nguyên văn viết 漆馬, nhưng không có nghĩa là *Con ngựa sơn* theo nghĩa chữ Hán, mà đây chỉ là cách ghi âm một từ song tiết là *T'ma*, tức là *mah* trong tiếng Chăm, có nghĩa là *vàng*. Liên hệ với sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (tập 1, chính biên, quyển 6) ghi là Bà Mã giang, cũng là cách ghi từ song tiết *B'ma*, tức *ma/mah* trong tiếng Chăm. Bộ *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch Viện Sử học, Nxb Khoa học xã hội (1971, tập 4, tỉnh Hưng Hóa, trang 303) cũng ghi sông Mã còn có tên Tắt Mã. Ngày nay, thường gọi là sông Mã, nhưng không nên hiểu là sông ngựa, mà phải hiểu đó là sông Vàng (tức sông Tắt Mã, Bà Mã thời xa xưa). Theo Bình Nguyên Lộc trong sách *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* (Bách Bộc xb, Saigon, 1971, trang 861) thì người Chăm cũng như người Thượng đều gọi *vàng* là *mah* và người Mã Lai gọi *vàng* là *Émas*. Có thể coi đây là những cứ liệu ngữ âm lịch sử tiếng Việt đáng tin cậy và có giá trị khoa học chắc chắn.

(3) 1740-1786.

(4) Tức Trịnh Sâm, mới lên ngôi chúa.

Thịnh vương là người cứng rắn, thông minh, quyết đoán sáng suốt, trí tuệ hơn người, có đủ tài về văn lẫn võ, đã xem khắp kinh sử, biết làm văn làm thơ. Sau khi Thịnh vương lên nối ngôi chúa, từ kỉ cương trong triều đến chính trị trong nước, hết thảy đều được sửa đổi; bao nhiêu tướng giặc, đảng nghịch, đều lần lượt bị dẹp tan. Chúa có cái chí muốn làm bá chủ, nào diệt giặc Trấn Ninh, nào phá bọn Công Chất⁽¹⁾, quân nhà chúa đã đến, không chỗ nào là không thắng. Lúc đó bốn phương yên ổn, kho đụn đầy đủ, chúa dần dần sinh bụng kiêu căng, xa xỉ, phi tần thị nữ kén vào rất nhiều, mặc ý vui chơi thoả thích.

Một hôm, Tiệp dư⁽²⁾ Trần Thị Vịnh sai nữ ti Đặng Thị Huệ bưng một khay hoa đến trước nơi chúa ngồi. Ấm họ Đặng này, quê ở làng Phù Đổng, mắt phượng mày ngài, vẻ người mười phần xinh đẹp. Chúa nom thấy rất bằng lòng, bèn tư thông với ả.

Từ đó, Thị Huệ càng ngày càng được nhà chúa yêu quý, ả nói gì chúa cũng nghe và hễ có việc gì là chúa cũng bàn với ả. Rồi ả được ở chung một nơi với chúa, y như một cặp vợ chồng nhà thường dân. Xe kiệu, quần áo của ả cũng đều được sắm sửa hết như đồ dùng của chúa.

Thị Huệ từ lúc được nhà chúa chiều chuộng, hơi có vẻ lộng hành. Hễ có chuyện gì không vừa ý, là ả xây xắm mặt mày, rồi kêu khóc thảm thiết để làm rối lòng chúa.

Chúa có một viên ngọc dạ quang, lấy được trong khi đánh dẹp phương Nam, vẫn xâu ở trên đầu khăn làm đồ trang sức. Một hôm Thị Huệ lấy tay mân mê viên ngọc. Chúa nói:

– Nhè nhẹ tay chứ, đừng làm ngọc sây sát!

Thị Huệ bèn ném viên ngọc xuống đất mà khóc rằng:

– Làm gì cái hạt ngọc này! Chẳng qua vào Quảng Nam kiếm giả chúa hạt khác là cùng. Sao chúa nở trọng của khinh người như vậy?

(1) Đây là hai cuộc khởi nghĩa nông dân lớn ở thế kỉ 18. Cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật ở vùng Thanh-Nghệ, lấy Trấn Ninh làm căn cứ, kéo dài 32 năm (1738-1770). Cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất ở vùng Sơn Nam và Tây Bắc, kéo dài 30 năm (1739-1769).

(2) Một cấp bậc của vợ vua, dưới bậc phi.

Rồi ả tự ý bỏ ra ở cung khác, từ chối không gặp chúa nữa. Chúa phải dùng nhiều cách dỗ dành cho ả vui lòng, lúc ấy ả mới chịu làm lành với chúa.

Kịp đến khi Thị Huệ có mang, chúa liền sai người đi lễ khắp trăm thần để cầu sinh con thánh. Đến kì, ả sinh được một trai, vào năm Đinh Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 38 (1777). Chúa hết sức yêu mến đứa bé, lúc đầy trăm ngày, chúa lấy tên của mình lúc nhỏ là Cán mà đặt cho nó, để tỏ ra nó cũng giống mình.

Khoa thi hương năm ấy, chúa lấy hai câu: “*Sơn xuyên anh dục, hải hải tú chung*”⁽¹⁾ để làm đề thi. Các quan văn võ đưa đón ý chúa, cũng có nhiều kẻ lấy chữ: “*Tinh huy hải nhuận*”⁽²⁾ làm câu chúc mừng.

Lúc vương tử Cán đầy tuổi tôi, cốt cách tướng mạo khôi ngô, đầy đà, khác hẳn người thường. Đến khi biết nói, vương tử Cán đối đáp gãy gọn, cử chỉ không khác gì người lớn. Mỗi khi các quan văn võ vào thăm, vương tử tiếp đón với dáng bộ nghiêm chỉnh. Có người cách hàng năm mới gặp, vương tử cũng vẫn nhớ rõ họ, tên, kể lại chuyện cũ vanh vách. Chúa sai quan từ hàn làm bài tụng mười sáu chữ, để viên a bảo⁽³⁾ dạy truyền miệng cho vương tử. Vương tử chỉ nghe qua một lượt là đọc thuộc liền. Thấy vậy chúa càng quý vương tử Cán bội phần.

Cũng do đó, Thị Huệ mới ngầm có ý muốn cướp ngôi thế tử.

* * *

Lại nói, lúc ấy chúa đã có thế tử là Trịnh Tông⁽⁴⁾, do thái phi họ Dương đẻ ra. Thái phi tên là Ngọc Hoan, người ở làng Long Phúc, huyện Thạch Hà.

Chị nàng là cung tần của Ân vương⁽⁵⁾, sinh ra Thụy quận công, được Ân vương hết sức yêu quý. Nhờ chị, thái phi được kén vào làm

(1) Nghĩa là “Khí thiêng của sông núi tụ lại, sự tốt đẹp của sông biển đúc nên”, ý muốn chỉ về Trịnh Cán.

(2) Nghĩa là “Sao sáng, biển hoà” tức là điềm sinh ra bậc thánh.

(3) Viên quan trông nom việc nuôi nấng, dạy dỗ con cái của vua chúa.

(4) Sau đổi là Trịnh Khải.

(5) Cha Thịnh vương, tức là Trịnh Doanh.

cung tần của Thịnh vương. Nhưng từ sau khi vào cung, nàng vẫn ngày đêm sống cô quạnh.

Bỗng một đêm, nàng nằm mơ thấy vị thần đem cho tấm đoạn có vẽ đầu rồng. Nàng không hiểu đó là điềm gì, đem hỏi viên quan hầu là Khê trung hầu. Khê trung hầu biết chắc là điềm sinh thánh.

Hôm sau, chúa cho vời cung tần Ngọc Khoan vào hầu. Khê trung hầu cố ý giả làm nghe lầm, đưa ngay thái phi Ngọc Hoan đến. Thấy nàng, chúa có vẻ không thích, nhưng đã trót gọi đến, không nỡ đuổi ra. Sau đó chúa đòi Khê trung hầu vào trách mắng. Khê trung hầu cúi đầu tạ tội, đoạn thuật rõ đầu đuôi chuyện thái phi nằm mơ cho chúa nghe. Chúa cũng nín lặng không nói sao cả.

Thái phi trải qua một trận mưa móc, liền có thai ngay. Đến kì, nàng sinh ra một trai năm Quý Mùi, Cảnh Hưng thứ 24 (1763).

Chúa tự nghĩ đầu rồng tuy có khí tượng làm vua, nhưng là rồng vẽ không phải rồng thật, mà lại chỉ có đầu không có đuôi, như vậy chưa hẳn đã là điềm tốt cả. Vả lại ở triều trước, Trịnh Cối, Trịnh Lệ⁽¹⁾ cũng do người Long Phúc đề ra và đều mưu sự phản nghịch mà không thành.

Do đó, chúa có ý không vui. Các quan văn võ vào chúc mừng, chúa lấy cớ rằng đứa con ấy không phải là vợ cả đẻ ra, từ chối không nhận lời mừng.

Khi thế tử Tông đã lớn, dung mạo rất khôi ngô mà chúa cũng chẳng yêu chiều gì mấy.

Tính thế tử ham võ nghệ, không thích học hành. Năm lên bảy tuổi, chúa sai Nguyễn Khả⁽²⁾ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1760), làm tả tư giảng, và Trần Thản, tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769), làm hữu tư giảng để rèn tập cho thế tử.

Nhưng chẳng bao lâu, Thản chết. Còn Khả thì đang được chúa tin dùng, phải quán xuyến mọi công việc trong ngoài, nên

(1) Trịnh Cối là con Trịnh Kiểm, Trịnh Lệ là con Trịnh Doanh. Hai người này đều mưu đồ giành ngôi chúa, nhưng đều thất bại.

(2) Nguyễn Khả là con Nguyễn Nghiễm, người huyện Nghi Xuân, Nghệ Tĩnh, có sách chép là Nguyễn Lệ.

cũng không mấy khi đến được chốn “màn giảng”, chỉ có năm sáu viên tùy giảng bảo ban việc học cho thể tử theo như nếp cũ mà thôi. Chuyện đó chúa cũng có biết phần nào, nên lại càng không bằng lòng.

Theo lệ cũ, người con trai nối ngôi chúa hể đến mười hai tuổi thì phải ra ở Đông cung. Bấy giờ các quan cũng có tâu trình việc ấy; song chúa không cho, bắt thể tử phải đến ở tại nhà riêng của quan a bảo là Hân quận công⁽¹⁾. Như vậy, ngôi đông cung vẫn bỏ trống, như có ý chờ đợi người khác.

Đến năm thế tử mười lăm tuổi, thì con nhỏ là vương tử Cán ra đời, chúa hết sức yêu dấu đứa con nhỏ đó. Ba năm sau, thế tử đúng mười tám tuổi. Theo lệ cũ, thế tử đáng được mở phủ riêng; nhưng bấy giờ các quan chẳng ai dám tâu bày, mà chúa cũng không hề nhắc tới việc ấy.

Như thế là người nối ngôi vẫn chưa định, nên lòng người rất phân vân. Hể ai thuộc về thế tử Tông thì hòa theo thế tử Tông, ai thuộc đảng Thị Huệ thì vào phe vương tử Cán. Trong phủ chúa dần dần sinh ra bè nọ cánh kia.

Thị Huệ cho rằng thế tử Tông đã khôn lớn, lòng cánh đã đủ; mà con mình hãy còn trứng nước, nên càng mưu mô để gây thêm thế lực.

Khi ấy Huy quận công Hoàng Tố Lý⁽²⁾ đang có danh vọng lớn, thường dựa vào sự giúp đỡ của Thị Huệ; mà Thị Huệ thường cũng lấy quận Huy làm chỗ nhờ cậy bên ngoài.

Quận Huy người làng Phụng Công, là cháu Bình nam thượng tướng quân Việp quận công là Hoàng Ngũ Phúc, về người thanh dật, là tay văn võ toàn tài. Khoa thi hương năm Ất Dậu (1765), Huy đi thi được trúng cách; đến khoa thi võ năm Bính Tuất (1766) Huy lại đỗ luôn tạo sĩ. Hồi ấy Ân vương còn đang trọng dụng quận Việp, mới gả con gái thứ cho quận Huy.

(1) Nguyễn Đĩnh.

(2) Nguyên trước là Hoàng Đăng Bảo.

Uy quyền quận Việp mỗi ngày một lớn. Có người ngờ sẽ xảy ra điều gì bất trắc, hoặc cũng có kẻ bảo quận Việp sắp lấy thiên hạ để truyền cho quận Huy.

Căn cứ vào lời sấm hồi ấy có câu “*Nhất thi trực quân dương*”⁽¹⁾, có kẻ tán rằng:

– *Thi* tức là quận Huy, bởi vì quận Huy tuổi *hợi*⁽²⁾, mà *dương* đây chỉ vào chúa và thế tử, vì cả hai đều tuổi *mùi*⁽³⁾.

Rồi những kẻ hiểu sự lại còn đặt ra câu sấm “*Thảo nhất điền bát*”⁽⁴⁾ để chỉ vào chữ *Hoàng*⁽⁵⁾. Có kẻ lại nói “*Thổ sát vân gian nguyệt, hoàng hoa ánh nhật hương*”⁽⁶⁾. *Thổ, sát, nguyệt* là chữ *tế*⁽⁷⁾. *Hoàng, hoa, nhật* là chữ *Việp*⁽⁸⁾, chỉ quận Việp. Thêm nữa, tên cũ của quận Huy là *Đặng Bảo*⁽⁹⁾ người ta cũng lấy đó để dị nghị.

Vì vậy quận Việp muốn tránh sự hiểm nghi ấy mới bảo quận Huy đổi tên *Đặng Bảo* ra *Tố Lý*.

Sau quận Việp lấy cớ mắc bệnh đau mắt để xin từ chức, chuyện ấy chẳng nhắc làm gì nữa.

* * *

Lại nói, năm *Giáp Ngọ* (1774), quận Việp phụng mệnh kéo quân vào đánh trong Nam, có đem quận Huy đi theo. Quận Huy vốn đã học được phép dùng binh gia truyền của quận Việp, nên được các tướng tá rất sợ phục. Huy lại khéo cắt đặt nhân tài, nên các tay hào kiệt đều vui lòng chịu sai khiến. Huy có công luôn luôn phá được quân địch, tiếng tăm mỗi ngày một lẫy lừng.

(1) Một con lợn đuổi đàn dê.

(2) Thuộc lợn.

(3) Thuộc dê.

(4) Có một, ruộng tám.

(5) Thảo nhất điền bát chấp lại thành chữ *Hoàng* chỉ *Hoàng Ngũ Phúc*.

(6) Mảnh đất sánh trăng trong mây; hoa cúc ánh hương mặt trời.

(7) Chữ *tế* nghĩa là con rể, chỉ quận Huy.

(8) Chữ *Việp* gồm chữ *hoa* và chữ *nhất*, còn chữ *Hoàng* là họ *Hoàng*.

(9) Có nghĩa là lên ngôi báu.

Khi dẹp yên được xứ Thuận Hoá thì quận Việp qua đời. Chúa bèn giao luôn cho quận Huy quản lĩnh số quân của quận Việp, và cho làm trấn thủ Nghệ An.

Đóng ở trấn Nghệ An. Huy ra sức tiêu diệt trộm cướp, cấm đổi tiền⁽¹⁾, trấn áp cường hào, ngăn chặn việc kiện cáo, làm cho trong hạt rất thịnh vượng, Huy lại thu dụng những kẻ anh tài, đặt ra nhiều chức liêu thuộc. Dưới trướng ông ta có những tên như tả, hữu tham quân chẳng hạn. Thế là thiên hạ lại ồn ào lên, đồn rằng quận Huy sắp sửa làm phản.

Chúa nghe tiếng, ngày ngày cùng viên triều thần tin cẩn là Nguyễn Khả và quan thế tử a bảo Hân quận công Nguyễn Đĩnh bàn cách giết Huy. Trong lúc bàn bạc, ba người vẫn dùng tiếng lóng “*chữ thập*” để chỉ quận Huy. Vì “*chữ thập*” cũng na ná “*chữ nghệ*”⁽²⁾ là trấn Nghệ An, nơi quận Huy đóng quân.

Họ thường đuổi mọi người đi để bí mật bàn bạc, chỉ có Thị Huệ là biết được.

Công chúa vợ quận Huy, ngày đêm ra vào trong phủ luôn lọt Thị Huệ; Thị Huệ mới đem việc kín nói cho công chúa nghe. Quận Huy trong dạ không yên, dâng thư xin về triều. Chúa cho phép ngay.

Huy nghĩ rằng Thị Huệ tuy được chúa yêu, nhưng con trai của Thị Huệ còn nhỏ, trong khi đó thế tử đã lớn rồi, hùa theo Thị Huệ e không phải là kế lâu bền. Vì vậy, sau khi đã vào hầu chúa, Huy liền lấy châu báu đúc lót cho những kẻ chân tay của thế tử, để xin nương tựa vào thế tử. Rồi Huy lại đem một trăm lạng vàng và mười tám đoạn Nam Kinh làm lễ yết kiến, để xin vào ra mắt thế tử. Nhưng thế tử không nhận đồ lễ, cũng không cho vào gặp, nói riêng với bọn hầu cận rằng:

– Thằng giặc ấy sao không ở trấn làm phản, mà lại vội về triều? Rồi đây ta sẽ tịch thu hết cả gia sản nhà nó, cần gì đồ lễ của nó bây giờ!

(1) Đổi tiền dẹp để tích trữ, làm cho tiền khan hiếm.

(2) Chữ *thập* xoay chéo thành chữ *nghệ* viết tắt.

Quận Huy biết thế tử không dung mình, bèn quyết ý hòa theo Thị Huệ và âm thầm có chí phế lập.

Huy đem dâng ngôi nhà cũ của quận Việp cho vương tử Cán làm dinh thự. Từ đó, Huy thành ra người riêng của Thị Huệ. Mà trước mặt chúa, Thị Huệ cũng hết sức bao che cho Huy. Do đó, quận Huy được vào chính phủ⁽¹⁾ mở dinh quân Trung nhuệ, coi việc trong phủ, đồng thời kiêm lĩnh chức trấn thủ trấn Sơn Nam⁽²⁾.

Quận Huy và Thị Huệ, trong ngoài liên kết với nhau, thế lực nghiêng cả thiên hạ. Các viên quan võ như chức cai cơ, trấn thủ, đều do cửa của họ mà ra. Lúc ấy, duy chỉ có Hồng lĩnh hầu Nguyễn Khả, trấn thủ Sơn Tây hiện đang làm tả tư giảng cho thế tử, và Tuân sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Kinh Bắc tức con nuôi của Hân quận công, hiện đang làm a bảo cho thế tử, là còn dám có ý kia khác với quận Huy mà thôi. Như vậy là cái thế bè đảng đã thành rồi.

* * *

Lại nói, từ khi vương tử Cán sinh ra, thế tử Tông có ý rất tức bực, chỉ sợ mình không được lập làm chúa. Thế tử cùng với bọn gia thân là mấy tên hầu Thế Thọ, Thẩm Thọ... nho sinh Đàm Xuân Thụ và tên xuất thân tạp lưu⁽³⁾ Vĩnh Vũ, ngày đêm bàn mưu, lo lắng không biết nên làm thế nào.

Vừa lúc đó, chứng bệnh cũ của chúa lại phát, bệnh tình rất nguy kịch. Một đêm thế tử bỗng mơ thấy mình mặc áo chầu chàm, đội mũ chữ đình, đứng ở phủ đường. Sáng mai thế tử kể lại với bọn gia thân và nói:

– Ta mơ như vậy là điềm có tang, trong cung nay mai chắc sẽ có biến; ta phải sớm lo liệu trước mới được.

(1) Phủ của chúa Trịnh để phân biệt với triều đình của vua Lê.

(2) Địa bàn của Sơn Nam thời Lê gồm: Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.

(3) Là hạng thư lại không đỗ đạt gì, không do chính ngạch mà ra.

Bọn tôi tớ ấy liền khuyên thế tử nên ngấm ngấm sấm sủa binh khí, chiêu mộ dũng sĩ; một mai trong cung xảy ra chuyện chẳng lành, thì cứ việc đóng chặt cổng thành, giết quận Huy, và bắt giữ cả hai mẹ con Thị Huệ, khiến vương tử Cán không thể lên ngôi chúa. Mặt khác báo cho hai trấn Tây, Bắc⁽¹⁾ đem quân vào kinh, bắt ép các đại thần để dựng thế tử lên ngôi chúa.

Thế tử nghe theo và phao lên rằng mình sắp được lệnh đem quân vào đánh miền Nam. Rồi thế tử lại sai người báo ngấm cho Khê trung hầu, giao một ngàn lạng bạc cho nho sinh Đàm Xuân Thụ để Thụ phân phát cho bọn tay chân đi mua sấm vũ khí. Tiếp đó, thế tử mật báo cho các viên trấn thủ ở hai trấn Tây, Bắc chiêu tập dũng sĩ.

Thế tử cất đặt xong thì bệnh của chúa cũng vừa khỏi, việc ấy bị tiết lộ. Hồi đó, có Nguyễn Huy Bá người ở Gia Lâm⁽²⁾ tính tình nham hiểm, giảo hoạt, thường vẫn quen thói tố giác kẻ khác để kiếm quan chức. Năm trước, chính vì Bá đã tố cáo âm mưu nổi loạn của Nguyễn Huy Cơ và Thụy quận công⁽³⁾ mà y được làm chức tham nghị ở trấn Sơn Nam. Dần dà, y ngoi lên chức tiến triều⁽⁴⁾, rồi lại thăng tới chức đốc đồng ở trấn Thái Nguyên. Lúc này vì có lỗi bị cách chức, y đang nóng lòng mong lại được ra làm quan. Y bèn sai con dâu cả vào làm đầy tớ cho Thị Huệ; rồi thường nhật nhanh những chuyện chơi bởi đùa nghịch của Tông, xui con dâu kể lại cho Thị Huệ để nịnh nọt, lấy lòng. Mặt khác, y lại ngấm sai người nhà tin cậy tới làm bộ hạ của hai viên trấn quan Tây, Bắc để dò xét tình hình. Đến lúc ấy, y đã nắm được phần nào sự việc của bọn này, liền vào báo với Thị Huệ.

Thị Huệ đem việc đó bàn với quận Huy. Huy bảo Huy Bá viết bức thư kín, rồi Huy tự bỏ vào trong tay áo, đi đến phủ chúa, đuổi hết những người chung quanh, đem thư ra trình chúa.

(1) Sơn Tây, Kinh Bắc.

(2) Phú Thọ, Gia Lâm, Hà Nội ngày nay.

(3) Thụy quận công tức Trịnh Lệ con Trịnh Doanh, định giành ngôi chúa với Trịnh Sâm.

(4) Những người không đỗ tiến sĩ mà được làm quan ở sáu bộ thì gọi là tiến triều.

Chúa xem xong, cả giận, định sai người giao xuống trị tội tức khắc. Quận Huy can rằng:

– Thế tử quả là có lỗi, nhưng sợ dĩ thế tử dám làm chuyện to lớn như thế chính là do hai viên trấn thủ Tây, Bắc chủ mưu. Nay hai viên ấy hãy còn cầm quyền ở ngoài, nếu vội vã trừng trị thế tử, e sẽ có biến khác. Chẳng thà trước hết hãy gọi hai viên ấy về triều, giam cả ở trong phủ, rồi bấy giờ hãy tuyên bố tội trạng và trừng trị một thế.

Chúa cho là phải. Hôm sau chúa đòi thế tử vào cung, vờ quở mắng về việc xao nhãng học hành, rồi bắt thế tử phải đến ở trong một ngôi nhà ba gian trong Trạch các. Lại sai tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) là Nguyễn Quỳnh làm tả tư giảng, và tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) là Nguyễn Địch làm hữu tư giảng. Rồi sau đó chúa cho đòi hai viên trấn thủ Tây, Bắc về triều; bữa ấy nhằm ngày 15 tháng 8 năm Canh Tí niên hiệu Cảnh Hưng (1780).

* * *

Lại nói, lúc ấy ở trấn Kinh Bắc⁽¹⁾ có viên đốc đồng là Ngô Thì Nhậm⁽²⁾, tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) vốn là gia thần và tùy giảng của thế tử, thường vẫn rất ăn ý với trấn thủ Tuân sinh hầu⁽³⁾. Về phía Tuân, không việc gì là không bàn với Nhậm, duy chỉ có việc âm mưu của thế tử là Tuân không hề nói đến.

Trước đó mấy ngày, Sơn Thọ⁽⁴⁾ là gia thần của thế tử, lại từng là học trò của Nhậm, được thế tử sai đến kể rõ mưu mô của thế tử cho Nhậm biết; rồi lại ngầm ra lệnh cho Nhậm phái người cất lên lên vùng Lạng Sơn mua ngựa tốt để dùng vào việc binh.

Thì Nhậm hoảng sợ nói:

(1) Địa bàn Kinh Bắc gồm: Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên.

(2) Người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), con Ngô Thì Sĩ, sau làm quan với Tây Sơn.

(3) Nguyễn Khắc Tuân.

(4) Có sách chép Hà Như Sơn.